

SỞ TƯ PHÁP - TÒA ÁN NHÂN
DÂN VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
CÔNG AN THÀNH PHỐ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 06 tháng 11 năm 2019

Số: 258 /QC-STP-TAND-VKSND-
CATP-CTHADS-TAQSQK9

QUY CHẾ

**Phối hợp liên ngành trong việc trao đổi, cung cấp thông tin
lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp trong việc tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để cấp Phiếu lý lịch tư pháp; cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; phối hợp cung cấp, xác minh, rà soát thông tin lý lịch tư pháp giữa Sở Tư pháp với các cơ quan: Công an, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Thi hành án dân sự các cấp, Tòa án quân sự Quân khu 9 theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp; Bộ luật Hình sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự; Luật Thi hành án hình sự; Luật Đặc xá; Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp; Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 04) và các văn bản có liên quan.

Điều 2. Thông tin lý lịch tư pháp và Phiếu lý lịch tư pháp

1. Thông tin lý lịch tư pháp bao gồm thông tin lý lịch tư pháp về án tích và thông tin lý lịch tư pháp về cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Luật Lý lịch tư pháp.

2. Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp lập và cấp cho cá nhân, cơ quan, tổ chức theo yêu cầu được quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật Lý lịch tư pháp.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp dựa trên cơ sở quy định của pháp luật, nhằm phát huy tinh thần trách nhiệm, hỗ trợ lẫn nhau trên cơ sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan phối hợp theo quy định.

CỤC THADS TP.CẦN THƠ

ĐẾN Số: 1940
Ngày: 25.11.19

Chuyển: LD
Thị CM, QH

Lưu hồ sơ số:

2. Các cơ quan phối hợp tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn, chế độ bảo mật theo quy định của pháp luật. Đồng thời chủ động thực hiện theo trách nhiệm của mình hoặc khi có yêu cầu để đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời, tạo điều kiện cho cơ quan có yêu cầu thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ.

Điều 4. Bộ phận đầu mỗi tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp

1. Bộ phận đầu mỗi cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại Tòa án:

a) Tòa án nhân dân thành phố giao cho Văn phòng Tòa án làm nhiệm vụ cung cấp bản án, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

b) Tòa án nhân dân cấp huyện giao cho Văn phòng Tòa án làm nhiệm vụ cung cấp bản án, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

2. Bộ phận đầu mỗi cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại Viện Kiểm sát:

Viện Kiểm sát nhân dân thành phố giao cho Phòng Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

3. Bộ phận đầu mỗi tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại cơ quan Công an:

a) Phòng Hồ sơ Công an thành phố phối hợp thực hiện cung cấp thông tin lý lịch tư pháp khi Sở Tư pháp có yêu cầu xác minh thông tin lý lịch tư pháp về án tích để cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân, tổ chức;

b) Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố cung cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù, Giấy chứng nhận đặc xá;

c) Cơ quan thi hành án hình sự quận, huyện cung cấp Giấy chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách án treo, án phạt cải tạo không giam giữ, án phạt cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù cho người chấp hành xong án phạt tại xã, phường, thị trấn (theo Hướng dẫn số 05/HD-C81-C83 ngày 20/8/2015 của Bộ Công an).

4. Bộ phận đầu mỗi cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại cơ quan thi hành án dân sự:

a) Cục Thi hành án dân sự thành phố giao cho Văn phòng Cục Thi hành án dân sự thành phố thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

b) Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện giao cho một công chức thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

5. Tòa án quân sự Quân khu 9:

Cử cán bộ thực hiện nhiệm vụ cung cấp quyết định, bản án hình sự, Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền của mình cho Sở Tư pháp.

Điều 5. Hình thức và phương thức cung cấp thông tin lý lịch tư pháp

1. Thông tin lý lịch tư pháp được gửi theo một trong các hình thức sau:

a) Trích lục bản án hình sự theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04 hoặc bản chính hoặc bản sao bản án (sau đây gọi là trích lục bản án hình sự);

b) Bản chính hoặc bản sao quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo;

c) Văn bản điện tử sử dụng chữ ký số hoặc văn bản định dạng PDF (có chữ ký và con dấu) trong trường hợp cung cấp thông tin qua mạng máy tính, chỉ sử dụng hộp thư điện tử...@cantho.gov.vn nhằm bảo đảm an toàn an ninh thông tin;

d) Đối với thông tin lý lịch tư pháp có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010, ngoài hình thức nêu tại điểm a, b khoản này có thể được gửi dưới hình thức công văn trả lời.

2. Thông tin lý lịch tư pháp được gửi bằng một trong các phương thức như trực tiếp, qua bưu điện, mạng máy tính (hộp thư điện tử). Cụ thể:

a) Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp được gửi trực tiếp thì bộ phận tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận, làm thủ tục ký nhận giữa bên tiếp nhận và bên gửi thông tin. Sau khi làm thủ tục ký nhận, công chức tiếp nhận có trách nhiệm đăng ký vào sổ văn bản đến, ghi rõ ngày tiếp nhận, số ký hiệu tên văn bản, tên văn bản, cơ quan cung cấp thông tin, ký và ghi rõ họ tên của mình. Ngày ký nhận văn bản là ngày Sở Tư pháp nhận được thông tin lý lịch tư pháp;

b) Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp được gửi qua bưu điện thì bộ phận tiếp nhận phải vào sổ văn bản đến, ghi rõ ngày tiếp nhận, số ký hiệu văn bản, tên văn bản, cơ quan cung cấp thông tin, ký và ghi rõ họ tên của mình. Ngày nhận được văn bản theo dấu bưu điện chuyển đến là ngày Sở Tư pháp nhận được thông tin lý lịch tư pháp;

c) Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp được cung cấp qua mạng máy tính thì các cơ quan có liên quan có văn bản thông báo địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan mình hoặc của bộ phận, công chức đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp. Sở Tư pháp có nhiệm vụ cung cấp địa chỉ thư điện tử chính thức của bộ phận tiếp nhận thông tin.

Việc cung cấp thông tin qua mạng máy tính chỉ được sử dụng hộp thư điện tử@cantho.gov.vn.

Sau khi nhận được thông tin, bộ phận tiếp nhận có trách nhiệm vào sổ văn bản đến, ghi rõ ngày tiếp nhận, số ký hiệu văn bản, tên văn bản, cơ quan cung cấp thông tin, ký nhận vào sổ và thông báo cho cơ quan, đơn vị đã cung cấp thông tin.

Chương II

PHỐI HỢP CUNG CẤP THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP ĐỂ XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Mục 1

CUNG CẤP THÔNG TIN CÓ TRƯỚC NGÀY 01/7/2010

Điều 6. Trường hợp cung cấp thông tin, cơ quan được đề nghị cung cấp thông tin và thời hạn cung cấp thông tin

1. Việc cung cấp thông tin đối với các trường hợp có trước ngày 01/7/2010 được thực hiện khi có đề nghị của Sở Tư pháp.

2. Việc đề nghị, yêu cầu cung cấp thông tin, thời hạn cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định từ điều 4 đến điều 12 và điều 22 của Thông tư liên tịch số 04.

Mục 2

CUNG CẤP THÔNG TIN CÓ TỪ NGÀY 01/7/2010

Điều 7. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân thành phố, Tòa án nhân dân các quận, huyện

1. Đối với bản án

a) Tòa án nhân dân thành phố, quận, huyện đã xét xử sơ thẩm vụ án gửi cho Sở Tư pháp trích lục bản án hình sự hoặc bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật.

b) Trường hợp vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm thì Tòa án nhân dân thành phố sau khi xét xử phúc thẩm cung cấp bản án phúc thẩm, kèm theo bản án sơ thẩm (bản photocopy) cho Sở Tư pháp.

2. Đối với các Quyết định

Tòa án đã ra các quyết định sau đây có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp:

a) Quyết định thi hành án tử hình, án phạt tù, án treo, án phạt cảnh cáo, án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế, án phạt trục xuất, án phạt tước một số quyền công dân, án phạt cải tạo không giam giữ trong trường hợp người bị kết án phải chấp hành án phạt tù, án treo, án phạt cải tạo không giam giữ; quyết định thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; quyết định thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

b) Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù trong trường hợp người bị kết án phải chấp hành án phạt tù mà được hoãn thi hành án.

c) Quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành án phạt tù nhưng được tạm đình chỉ thi hành án.

d) Quyết định miễn chấp hành án phạt tù có thời hạn, án phạt cải tạo không giam giữ trong trường hợp người bị kết án được miễn chấp hành án phạt tù có thời hạn, án phạt cải tạo không giam giữ.

đ) Quyết định miễn chấp hành án phạt tù, cải tạo không giam giữ, án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế trong trường hợp người bị kết án được miễn chấp hành án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế.

e) Quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, án phạt cải tạo không giam giữ trong trường hợp người bị kết án được giảm chấp hành án phạt tù, án phạt cải tạo không giam giữ.

g) Quyết định rút ngắn thời gian thử thách trong trường hợp tha tù trước thời hạn; rút ngắn thời gian thử thách đối với người hưởng án treo.

h) Quyết định đình chỉ chấp hành án phạt tù và đình chỉ thi hành án trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành án phạt tù chết, người được tha tù trước thời hạn chết hoặc người được tạm đình chỉ, người được hoãn Thi hành án phạt tù chết; Quyết định đình chỉ thi hành án phạt tước một số quyền công dân chết.

i) Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước trong trường hợp người bị kết án được miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước.

3. Chánh án Tòa án nhân dân đã cấp giấy chứng nhận đặc xá khi gửi về Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia gửi đồng thời đến Sở Tư pháp.

4. Tòa án đã ra quyết định xóa án tích hoặc cấp giấy chứng nhận xóa án tích có nhiệm vụ gửi quyết định, giấy chứng nhận đó cho Sở Tư pháp.

5. Thời hạn gửi các Quyết định, bản án, giấy chứng nhận nêu trên được thực hiện theo Luật Thi hành án hình sự.

6. Tòa án đã ra quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, trong đó có nội dung cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có nhiệm vụ gửi cho Sở Tư pháp quyết định tuyên bố phá sản hoặc trích lục quyết định tuyên bố phá sản (*mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04*) trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm Tòa án quân sự Quân khu 9

Tòa án quân sự Quân khu 9 gửi đến Sở Tư pháp các bản án có hiệu lực pháp luật, quyết định thi hành án, quyết định hoãn, tạm đình chỉ, miễn, giảm, chấp hành án các loại án phạt, giấy chứng nhận đặc xá gửi đến Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bản án, quyết định, giấy chứng nhận được ban hành.

Điều 9. Trách nhiệm của Viện Kiểm sát nhân dân

Viện Kiểm sát nhân dân thành phố phối hợp cung cấp các thông tin về các vụ án hình sự trên địa bàn thành phố cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có yêu cầu phối hợp của Sở Tư pháp.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan Công an

Công an thành phố có trách nhiệm chỉ đạo Cơ quan thi hành án hình sự công an thành phố và Cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện cung cấp thông tin sau đây cho Sở Tư pháp:

1. Giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời gian thử thách án treo, án phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù cho hưởng án treo và các hình phạt bổ sung, gửi cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 21 Luật Lý lịch tư pháp.

2. Giấy chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách án treo; giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ (theo Hướng dẫn số 05/HD-C81-C83 ngày 20/8/2015 của Bộ Công an hướng dẫn về việc cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù cho người hết thời hạn chấp hành án tại xã, phường, thị trấn).

3. Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế, án phạt tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận theo quy định.

4. Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, bản sao bản án, bản sao quyết định thi hành án cho Sở Tư pháp.

5. Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan Thi hành án dân sự

1. Cục Thi hành án dân sự thành phố, Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện đã ra quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác của người bị kết án trong bản án hình sự; quyết định đình chỉ thi hành án (nếu có); giấy xác nhận kết quả thi hành án (nếu có) có nhiệm vụ gửi quyết định, giấy xác nhận đó cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định hoặc cấp giấy xác nhận.

2. Trường hợp người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự thì Cục Thi hành án dân sự thành phố, Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện thông báo bằng văn bản (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT) cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày người bị kết án đã chấp hành xong nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tư pháp trong việc tiếp nhận, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ, kịp thời thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan, tổ chức cung cấp theo quy định tại Điều 15 của Luật Lý lịch tư pháp, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy chế này để xây dựng cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.

2. Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp chưa đầy đủ, có sai sót trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan phối hợp và các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin bổ sung, đính chính trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị bổ sung, đính chính.

3. Cung cấp thông tin cho phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an thành phố đối với các trường hợp xóa án tích đương nhiên theo Bộ luật Hình sự.

Chương III

PHỐI HỢP TRA CỨU, XÁC MINH, CUNG CẤP THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP ĐỂ CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Điều 13. Phối hợp tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để cấp phiếu LLTP

1. Trong trường hợp thông tin do Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp chưa đủ cơ sở để cấp Phiếu Lý lịch tư pháp; theo quy định, Sở Tư pháp phải tiếp tục xác minh thì Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cơ quan thi hành án dân sự, Tòa án quân sự Quân khu 9 trên địa bàn thành phố để tra cứu, xác minh.

2. Các cơ quan khi nhận được đề nghị tra cứu, xác minh của Sở Tư pháp có trách nhiệm cung cấp thông tin bằng văn bản cho Sở Tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu tra cứu, xác minh (kể cả trường hợp không có thông tin cung cấp). Trong trường hợp cần thiết, việc tra cứu, xác minh được trực tiếp thực hiện.

Chương IV

PHỐI HỢP CUNG CẤP, XÁC MINH, RÀ SOÁT, ĐỐI CHIẾU THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Điều 14. Phối hợp rà soát, đối chiếu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp

1. Định kỳ hàng quý, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp thực hiện việc rà soát, đối chiếu về số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã được các cơ quan cung cấp theo quy định tại mục 2 nêu trên.

2. Việc phối hợp rà soát về số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Sở Tư pháp có nhiệm vụ gửi cho các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 1 Điều này văn bản đề nghị kèm theo trích sao báo cáo thống kê thông tin lý lịch tư pháp đã nhận được để phối hợp rà soát, đối chiếu.

b) Các cơ quan phối hợp có nhiệm vụ rà soát, xác minh, đối chiếu số liệu thông tin lý lịch tư pháp đã cung cấp cho Sở Tư pháp và thông báo cho Sở Tư pháp trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị rà soát thông tin lý lịch tư pháp.

Việc thông báo được thể hiện bằng hình thức:

- Văn bản phản hồi đối với trường hợp được cung cấp đầy đủ.
- Các bản án, quyết định, Giấy chứng nhận được cấp bổ sung (đối với trường hợp qua rà soát phát hiện cung cấp chưa đầy đủ).

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết

Định kỳ trước 15/11 hàng năm, các ngành Công an, Tòa án, Viện Kiểm sát, Thi hành án dân sự thành phố và Tòa án quân sự Quân khu 9 có trách nhiệm thống kê kết quả báo cáo về Sở Tư pháp để tổng hợp.

Việc sơ kết Quy chế được thực hiện định kỳ trước ngày 10/01 hàng năm.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và thay thế Quy chế số 61/QC-STP-TAND-VKSND-CATP-CTHADS ngày 04/05/2017.

2. Các cơ quan Sở Tư pháp, Công an, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Thi hành án dân sự thành phố và Tòa án quân sự Quân khu 9 có trách nhiệm lập danh sách cán bộ làm nhiệm vụ cung cấp thông tin gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, thông tin chung, làm cơ sở đầu mối phối hợp thực hiện, đồng thời triển khai thực hiện cung cấp thông tin qua mạng máy tính.

3. Các cơ quan phối hợp có trách nhiệm triển khai Quy chế này và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến cán bộ đầu mối thực hiện.

4. Giao Sở Tư pháp làm đầu mối tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh, báo cáo kết quả thực hiện (thông qua Phòng Lý lịch tư pháp: Điện thoại: 0292 2213 296 - 0292 2220 807) để cùng phối hợp nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp.

 <p>TÒA ÁN NHÂN DÂN PHÓ CHÁNH ÁN <i>Thạm Lâm Đồng</i></p>	 <p>SỞ TƯ PHÁP PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Châu Thi Minh</i></p>
 <p>VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN VIỆN TRƯỞNG <i>Huỳnh Văn Ri</i></p>	 <p>CÔNG AN THÀNH PHỐ PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Đại tá Bùi Trọng Thế</i></p>
 <p>CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỤC TRƯỞNG <i>Nguyễn Viết Xuân</i></p>	 <p>TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 9 CHÁNH ÁN <i>Đại tá Trần Quốc Hận</i></p>

Nơi nhận:

- Trung tâm LLTPQG-Bộ Tư pháp;
- UBND TP. Cần Thơ;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Tòa án quân sự Quân khu 9;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Công an TP. Cần Thơ;
- Cục THADS TP. Cần Thơ;
- TAND quận, huyện;
- VKSND quận, huyện;
- Công an quận, huyện;
- Chi cục THADS quận, huyện;
- Lưu VT, STP.